

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành
Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 06 năm 2025*): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

- Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công.

- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

- Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018; theo đó:

Tại khoản 1 Điều 1 quy định “Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

Tại khoản 2 Điều 2 quy định “Đối với nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyết nghị về nội dung và mức chi hoạt động khuyến công địa phương, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2024 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật): “**Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới** cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc **ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới**”.

Theo khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “**Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai**”.

Như vậy, căn cứ pháp lý nêu trên đảm bảo đầy đủ sự cần thiết để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Cơ sở thực tiễn

Đối với tỉnh Bình Định (trước khi sáp nhập): Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 về quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đối với tỉnh Gia Lai (trước khi sáp nhập): Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai tại kỳ họp thứ 27 nhưng chưa được thông qua.

Sau khi sáp nhập, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Để tổng hợp và xây dựng kế hoạch khuyến công năm 2026, ngày 21/7/2025, Sở Công Thương đã có Văn bản số 244/SCT-QLCN gửi UBND các xã, phường, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai đăng

ký kế hoạch kinh phí khuyến công năm 2026. Đến nay, các đơn vị đã đăng ký 152 đề án khuyến công với tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ 23.988 triệu đồng.

Do vậy, cần thiết xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai để áp dụng và làm cơ sở triển khai kế hoạch khuyến công hàng năm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Gia Lai về khuyến công; tăng cường công tác quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn; tạo cơ sở pháp lý cho các đơn vị, địa phương thực hiện các hoạt động hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Qua đó, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quan điểm

- Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025; phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC; đồng thời, quy định mức chi hỗ trợ được đảm bảo công bằng, công khai phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở các mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định (*trước khi sáp nhập*) tại Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, Sở Công Thương đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức

chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được Sở Công Thương đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương và gửi lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tại Văn bản số 834/SCT-QLCN ngày 26 tháng 8 năm 2025. Trên cơ sở góp ý của các đơn vị, Sở Công Thương đã tiếp thu, hoàn chỉnh Dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 1307/SCT-QLCN ngày 23 tháng 3 năm 2026.

Trên cơ sở kết quả thẩm định Dự thảo của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 209/BC-STP ngày 26 tháng 3 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1029/STP-NV1 ngày 30 tháng 3 năm 2026, Sở Công Thương đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai đảm bảo đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).
- Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.
- Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.
- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Bố cục

Dự thảo Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến gồm 5 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công
- Điều 4. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương

- Điều 5. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nội dung của Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; đồng thời, nội dung chính của Nghị quyết bám sát quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; đồng thời, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với thực tế phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Một số nội dung cơ bản của dự thảo Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, tóm tắt như sau:

3.1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/doanh nghiệp.

3.2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.

3.3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

3.4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

3.5. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, xã. Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 35 triệu đồng/lần đối với cấp xã.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp xã được thưởng không quá 01 triệu đồng/sản phẩm.

3.6. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu.

3.7. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

3.8. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3.9. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3.10. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/phòng trưng bày.

3.11. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi

thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

4. Một số nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND

- Sửa đổi đối tượng áp dụng phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (*tỉnh và xã*) và theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025; theo đó, tất cả các địa phương trên địa bàn tỉnh đều được áp dụng mức chi hỗ trợ (*trước đây thành phố Quy Nhơn, thành phố Pleiku không thuộc đối tượng*).

- Điều chỉnh giảm mức chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã và chi thưởng cho sản phẩm đạt giải cấp xã bằng 50% mức chi của cấp huyện trước đây (*tương tự cấp huyện trước đây bằng 50% cấp tỉnh*).

- Bỏ các nội dung khuyến công không còn quy định trong Nghị định số 235/2025/NĐ-CP như: Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp; hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp và hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn.

(Có bảng tổng hợp so sánh/thuyết minh các mức chi tại dự thảo Nghị quyết với Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy:

Sở Công Thương là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương.

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai là đơn vị tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh khi được cấp có thẩm quyền giao.

UBND các xã, phường giao Phòng Kinh tế/ Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu, theo dõi hoạt động khuyến công trên địa bàn cấp xã.

Do vậy, nguồn lực về tổ chức, bộ máy đảm bảo triển khai Nghị quyết sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến công được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương hàng năm.

3. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thời gian trình thông qua:

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến trình vào kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Trên đây là Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

(Hồ sơ kèm theo gồm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo số 209/BC-STP ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết và Văn bản số 1029/STP-NV1 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; các tài liệu khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Công Thương, Sở Tư pháp;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, X6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 392/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-KTNS ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp

dụng Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hoạt động khuyến công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT(01), CTHĐ (4).

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).
2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.
3. Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.
4. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định một số mức chi như sau:

1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
2. Các mức chi khác thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương

1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

5. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã.

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, xã. Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 35 triệu đồng/lần đối với cấp xã.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp xã được thưởng không quá 01 triệu đồng/sản phẩm.

6. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu.

7. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

8. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

9. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

10. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/phòng trưng bày.

11. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương.

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

Điều 5. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công

Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công thuộc nhiệm vụ của cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước quy định hiện hành./.

Số: /BC-STP

Gia Lai, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1307/SCT-QLCN ngày 23/3/2026 của Sở Công Thương đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở đối chiếu Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC), HĐND tỉnh Bình Định đã thông qua Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 về quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định (HĐND tỉnh Gia Lai trước sắp xếp chưa ban hành Nghị quyết quy định nội dung này).

Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 12/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025; kể từ ngày 01/7/2025, chính quyền địa phương của tỉnh hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Mặt khác, qua rà soát, một số nội dung của Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND quy định để áp dụng cho cấp huyện, do đó không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Để bảo đảm tiến độ xử lý các văn bản chịu sự tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng dự thảo Nghị quyết (*thay thế Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND*), báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp thống nhất về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng trong việc quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

IV. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung quy định về thủ tục hành chính.

V. Nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trên cơ sở nội dung tham gia góp ý của Sở Tài chính tại Công văn số 1956/STC-TCHCSN ngày 29/8/2025, Sở Nội vụ tại Công văn số 1470/SNV-VP ngày 28/8/2025, Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 780/SKHHCN-VP ngày 04/9/2025 thì dự thảo Nghị quyết đảm bảo về nguồn tài chính, nguồn nhân lực, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

VI. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Cơ bản, dự thảo đảm bảo về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, để dự thảo được hoàn thiện và phù hợp hơn, đề nghị Quý Sở điều chỉnh nội dung sau:

1.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

- Về tên gọi của dự thảo: Đề nghị bỏ gạch ngang dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết để phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết: Tại “*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*”, đề nghị điều chỉnh từ “*Nhà nước*” thành “*nhà nước*”.

- Về nơi nhận của dự thảo: Đề nghị điều chỉnh chủ thể nhận văn bản từ “- *Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính Bộ Tư pháp;*” thành “- *Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;*”. Điều chỉnh từ “*Đăng tải công báo điện tử cấp tỉnh*” thành “*Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh*”.

1.2. Đối với dự thảo Quy định kèm theo

- Về tên gọi của dự thảo: Tại nội dung “(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)” đề nghị điều chỉnh thành “Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND” để phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị bỏ gạch ngang dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết.

- Nội dung của dự thảo: Tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo quy định “2. Các mức chi khác thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.”, đề nghị bỏ cụm từ “ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

2. Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Tuy nhiên, Nghị quyết được xây dựng để thay thế Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Định về quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định. Qua theo dõi, Sở Tư pháp chưa thấy Quý Sở tham mưu UBND tỉnh văn bản trình Thường trực HĐND tỉnh về đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Do đó, trong trường hợp chưa thực hiện thủ tục này, đề nghị Quý Sở căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP để tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

VII. Điều kiện trình dự thảo Nghị quyết cho UBND tỉnh

Đề nghị Quý Sở hoàn thiện nội dung thẩm định tại Báo cáo này để dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

BẢNG SO SÁNH/THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 42/NQ-HĐND NGÀY 15/9/2025 CỦA HĐND TỈNH GIA LAI ÁP DỤNG NGHỊ QUYẾT SỐ 36/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/12/2024 QUY ĐỊNH MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH (TRƯỚC SẮP XẾP)

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
I	PHẦN CĂN CỨ	PHẦN CĂN CỨ	
1	<i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</i> <i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;</i> <i>Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;</i>	<i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;</i> <i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;</i> <i>Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;</i>	Sửa đổi căn cứ để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và phù hợp với Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Phụ lục I và Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và góp ý của Sở Tư pháp tại Văn bản số 666/STP-NV1 ngày 29/8/2025

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
II	PHẦN NỘI DUNG	PHẦN NỘI DUNG	
1	Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định. Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2024./.	Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Điều 3. Điều khoản thi hành Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026. Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.</i>	Sửa đổi để phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và góp ý của Sở Tư pháp tại Văn bản số 666/STP-NV1 ngày 29/8/2025
III	PHẦN QUY ĐỊNH	PHẦN QUY ĐỊNH	

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy định này quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định. 2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Quy định này quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh <i>Gia Lai</i> . 2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sửa đổi phạm vi điều chỉnh phù hợp với địa bàn sau sáp nhập
2	Điều 2. Đối tượng áp dụng Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công; các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn không giới hạn về quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân hàng năm và địa bàn đầu tư sản xuất.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp <i>tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận</i> (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn). 2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, <i>sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.</i> 3. <i>Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.</i> 4. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.	Sửa đổi đối tượng áp dụng phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
3	Điều 3. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định một số mức chi như sau: 1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Nghị quyết số 86/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định. 2. Các mức chi khác thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Điều 3. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, quy định một số mức chi như sau: 1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo <i>Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025</i> của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai. 2. Các mức chi khác thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Điều chỉnh khoản 1 phù hợp với Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai Giữ nguyên khoản 2, khoản 3 Điều này
4	Điều 4. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương 1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/01 doanh nghiệp	Điều 4. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương 1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/doanh nghiệp.	Giữ nguyên

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
5	2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình. b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.	2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình. b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.	Giữ nguyên

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
6	3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.	3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.	Giữ nguyên
7	4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ , tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/01 cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ , tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.	Bỏ nội dung chi và mức chi đối với "chuyển giao công nghệ" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012) không còn quy định nội dung hỗ trợ chuyển giao công nghệ Các nội dung còn lại giữ nguyên mức chi

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
8	5. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện: a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện. Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 70 triệu đồng/lần đối với cấp huyện. b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp huyện được thưởng không quá 02 triệu đồng/sản phẩm.	5. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã: a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, xã. Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 35 triệu đồng/lần đối với cấp xã. b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp xã được thưởng không quá 01 triệu đồng/sản phẩm.	Điều chỉnh từ cấp huyện thành cấp xã để phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp Điều chỉnh giảm mức chi tổ chức bình chọn cấp xã và chi thưởng cho sản phẩm đạt giải cấp xã bằng 50% mức chi của cấp huyện trước đây (tương tự cấp huyện trước đây bằng 50% cấp tỉnh)
9	6. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu	6. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu	Giữ nguyên
10	7. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/01 cơ sở	7. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở	Giữ nguyên

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
11	8. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt	8. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt	Giữ nguyên
12	9. Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh và cấp huyện. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập nhưng không quá 50 triệu đồng/01 hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh và không quá 35 triệu đồng/01 hội, hiệp hội ngành nghề cấp huyện		Bỏ nội dung chi và mức chi theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012) không còn quy định nội dung hỗ trợ các cơ sở công nghiệp thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
13	10. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 100 triệu đồng/01 cụm liên kết		Bỏ nội dung chi và mức chi theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012) không còn quy định nội dung hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp
14	11. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư); Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 350 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam		Bỏ nội dung chi và mức chi theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012) không còn quy định nội dung hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
15	12. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/01 cơ sở		Bỏ nội dung chi và mức chi theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 (sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012) không còn quy định nội dung hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn
16	13. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng	13. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng	Giữ nguyên
17	14. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện: a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày. b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/phòng trưng bày.	14. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã : a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày. b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/phòng trưng bày.	Điều chỉnh từ cấp huyện thành cấp xã để phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp Giữ nguyên mức chi

STT	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công tỉnh Bình Định (trước sắp xếp); HĐND tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp) chưa ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công	Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Thuyết minh
18	15. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương: a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.	15. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương: a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.	Giữ nguyên
19	Điều 5. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công thuộc nhiệm vụ của cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước quy định hiện hành	Điều 5. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công thuộc nhiệm vụ của cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước quy định hiện hành	Giữ nguyên

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Sở Công Thương có Văn bản số 834/SCT-QLCN ngày 26/8/2025 gửi các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai và Văn bản số 744/SCT-QLCN ngày 21/8/2025 gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị đăng tải dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Sở Công Thương đã gửi lấy ý kiến 05 Sở: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Liên minh HTX tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh Gia Lai và 135 UBND cấp xã. Đến nay, Sở Công Thương đã nhận được ý kiến góp ý của 05 Sở, 88 UBND cấp xã và 04 đơn vị có liên quan.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Công Thương đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
I	Ý kiến góp ý điều chỉnh, bổ sung			
1	Thể thức trình bày văn bản	Sở Tư pháp Văn bản số 666/STP-NV1 ngày 29/8/2025	Đề nghị áp dụng mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP để điều chỉnh cho phù hợp.	Thông nhất tiếp thu
2	Căn cứ để ban hành Nghị quyết	Sở Tư pháp Văn bản số 666/STP-	Đề nghị Quý Sở hoàn thiện phần căn cứ như sau: “ <i>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15</i> ;	Thông nhất tiếp thu tại phần căn cứ ban hành văn bản của dự thảo Nghị quyết.

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		NV1 ngày 29/8/2025	<i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;</i> <i>Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13; Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;</i> <i>Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018;</i> <i>Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số/BC-KTNS ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;</i> <i>Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.”</i>	
		Hội doanh nhân trẻ Gia Lai Văn bản số	- Điều chỉnh các căn cứ pháp lý ghi năm 2025 về các luật hiện hành (Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, sửa đổi 2019; Luật Ngân sách Nhà nước 2015; Luật Ban	Dự thảo Nghị quyết gửi đơn vị góp ý đã dẫn chiếu các văn bản mới nhất.

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		15/CVĐ-DNTGL ngày 28/8/2025	hành VBQPPL 2015, sửa đổi 2020). - Bổ sung căn cứ Quyết định 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 về Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021–2025. - Cập nhật dẫn chiếu Thông tư 64/2024/TT-BTC là căn cứ pháp lý mới nhất.	
3	Nội dung của Nghị quyết	Sở Tư pháp Văn bản số 666/STP-NV1 ngày 29/8/2025	Đề phù hợp với Mẫu số 18 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ CP, tại Điều 1, 2, 3 của dự thảo đề nghị tham khảo hoàn chỉnh như sau: “Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. Điều 3. Điều khoản thi hành Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng ... năm 2025. Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định mức chi	Thống nhất tiếp thu tại phần nội dung của dự thảo Nghị quyết.

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. <i>Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025./”</i>	
4	Tại khoản 15 Điều 4 của dự thảo Quy định	Sở Tư pháp Văn bản số 666/STP-NV1 ngày 29/8/2025	Tại khoản 15 Điều 4 của dự thảo, đề nghị bỏ từ “thuê phòng nghỉ”. Bởi vì, chi thuê phòng nghỉ là một phần của nội dung “chi công tác phí” đã được quy định tại điểm này (theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai mới).	Thống nhất tiếp thu tại khoản 15 Điều 4 của dự thảo Quy định;
5	Tại khoản 5 Điều 4 của dự thảo Quy định	Sở Tài chính Văn bản số 1956/STC-TCHCSN ngày 29/8/2025	- Tại Khoản 5, Điều 4, dự thảo Quy định, Sở Công Thương đề nghị điều chỉnh từ cấp huyện thành cấp xã để phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và giữ nguyên mức hỗ trợ như sau: “5. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã: a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, xã. Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 70 triệu đồng/lần đối với cấp xã.	Thống nhất tiếp thu tại khoản 5 Điều 4 của dự thảo Quy định; theo đó giảm mức chi (1) chi tổ chức bình sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp xã không vượt quá 35 triệu; (2) chi thưởng cho sản phẩm đạt sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp xã không quá 01 triệu đồng/sản phẩm.

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp xã được thưởng không quá 02 triệu đồng/sản phẩm.” Tuy nhiên, Sở Tài chính kiến nghị Sở Công Thương rà soát, xem xét, đánh giá lại quy mô địa bàn thực hiện so với trước đây để đề xuất mức hỗ trợ cho phù hợp khi thực hiện điều chỉnh từ cấp huyện thành cấp xã.	
6	Tại khoản 14 Điều 4 của dự thảo Quy định	Sở Tài chính Văn bản số 1956/STC-TCHCSN ngày 29/8/2025	- Tại Khoản 14, Điều 4, dự thảo Quy định, Sở Công Thương đề nghị bổ sung nội dung mức đối ứng “50% chi phí” như sau: “14. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã: a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày. b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị,	Thống nhất tiếp thu “không bổ sung mức đối ứng 50% chi phí” tại khoản 14 Điều 4 của dự thảo Quy định;

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/phòng trưng bày.” Qua rà soát quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 và Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC thì không quy định nội dung mức đối ứng. Do đó, đề nghị Sở Công Thương giải trình, thuyết minh rõ ràng về việc đề nghị bổ sung nội dung mức đối ứng “50% chi phí” nêu trên, để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt đảm bảo thực hiện theo đúng quy định hiện hành.	
7	Điều chỉnh mức hỗ trợ	Hội doanh nhân trẻ Gia Lai Văn bản số 15/CVĐ-DNTGL ngày 28/8/2025	- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn: tăng từ 7 triệu lên 10 triệu đồng/doanh nghiệp. - Hỗ trợ ứng dụng máy móc, công nghệ: tăng từ 200 triệu lên 300 triệu đồng/cơ sở; đối với dây chuyền công nghệ, tăng tối đa lên 500 triệu đồng/cơ sở. - Hỗ trợ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: nâng mức hỗ trợ cấp xã từ 70 triệu lên 100 triệu; tăng thưởng cấp tỉnh từ 3,5 triệu lên 5 triệu đồng/sản phẩm. - Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu: nâng từ 25 triệu lên 40 triệu đồng/nhãn hiệu.	Sở Công Thương xin bảo lưu vì: theo quan điểm của UBND tỉnh, mức chi cho hoạt động khuyến công địa phương tối đa bằng 70% mức chi của khuyến công quốc gia được quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công. Mặt khác, các mức chi hoạt động khuyến công do Sở Công Thương xây dựng trong dự thảo Nghị quyết lần này theo hướng đưa các mức chi đã

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
				được quy định trong Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Định (trước khi sáp nhập) ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định.
8	Bổ sung nội dung mới	Hội doanh nhân trẻ Gia Lai Văn bản số 15/CVĐ-DNTGL ngày 28/8/2025	- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế: tối đa 150 triệu đồng/doanh nghiệp/lần. - Hỗ trợ chuyển đổi số và thương mại điện tử, bao gồm đào tạo, tư vấn và triển khai ứng dụng công nghệ AI, livestream. - Bổ sung cơ chế khen thưởng cơ sở công nghiệp nông thôn hoạt động hiệu quả, tạo việc làm, bảo vệ môi trường.	- Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài được áp dụng theo Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định (trước khi sáp nhập). - 02 nội dung còn lại không có trong quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 và Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.
II	Ý kiến góp ý thống nhất			
1	Thống nhất với dự thảo	Sở Nội vụ (Văn bản số 1470/SNV-VP ngày 28/8/2025)	- Về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp: “Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai” đảm bảo việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. - Đối với nguồn nhân lực: Sở Nội vụ thống nhất nội dung nguồn nhân lực do đơn vị soạn thảo dự kiến tại mục 1 phần VI (trang 5) dự thảo Tờ trình Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
			địa bàn tỉnh Gia Lai.	
2		Sở Khoa học và Công nghệ	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 780/SNV-VP ngày 04/9/2025)	
3		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 2044/SNNMT-PTNT ngày 29/8/2025)	
4		Liên minh HTX tỉnh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 72/CV-LMHTX ngày 27/8/2025)	
5		Hội Nông dân tỉnh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 120/CV-HNDT ngày 29/8/2025)	
6		Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 85/TTKCXTTM ngày 29/8/2025)	
7		UBND xã An Vinh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 307/UBND ngày 27/8/2025)	
8		UBND xã Chư Puh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 393/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
9		UBND xã An Lão	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 530/UBND ngày 28/8/2025)	
10		UBND phường Pleiku	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 459/UBND-KT,HT&ĐT ngày 28/8/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
11		UBND xã Cát Tiến	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 227/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
12		UBND xã Bình Khê	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 288/UBND-KT ngày 27/8/2025)	
13		UBND xã An Hòa	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 265/UBND ngày 28/8/2025)	
14		UBND xã Phù Mỹ Đông	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 292/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
15		UBND xã Tuy Phước Tây	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 188/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
16		UBND xã Đề Gi	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 276/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
17		UBND xã Ya Ma	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 148/CV-UBND ngày 28/8/2025)	
18		UBND xã Tuy Phước Bắc	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 249/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
19		UBND xã Bình An	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 234/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
20		UBND xã Bình Hiệp	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 458/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
21		UBND xã Vân Canh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 372/UBND-KT ngày 27/8/2025)	
22		UBND xã	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 233/UBND-KT ngày 27/8/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Phù Mỹ Tây		
23		UBND phường Bồng Sơn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 372/UBND-KTHTĐT ngày 27/8/2025)	
24		UBND xã Ia Chia	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 198/UBND-KT ngày 27/8/2025)	
25		UBND xã Ia Nan	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 233/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
26		UBND xã Cửu An	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 225/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
27		UBND phường An Nhơn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 310/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
28		UBND xã Ia Dreh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 549/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
29		UBND xã Chư Krey	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 122/BC-UBND ngày 29/8/2025)	
30		UBND xã Hòa Hội	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 350/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
31		UBND xã An Toàn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 285/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
32		UBND xã Ia Dok	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 193/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
33		UBND phường An Nhơn Bắc	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 326/UBND ngày 29/8/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
34		UBND xã Chợ Long	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 204/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
35		UBND xã Phù Mỹ Nam	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 204/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
36		UBND xã Hra	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 305/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
37		UBND xã Tuy Phước	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 452/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
38		UBND phường An Nhơn Đông	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 284/UBND ngày 28/8/2025)	
39		UBND phường Quy Nhơn Nam	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 656/UBND-KTHTĐT ngày 28/8/2025)	
40		UBND xã Ia Pnôn	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 201/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
41		UBND phường Thống Nhất	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 378/UBND-KT,HT&ĐT ngày 28/8/2025)	
42		UBND phường An Bình	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 342/UBND-KTHTĐT ngày 28/8/2025)	
43		UBND phường Hoài Nhơn	Thông nhất với Dự thảo (Văn bản số 476/UBND-KT ngày 28/8/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
44		UBND xã Vĩnh Sơn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 194/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
45		UBND xã Canh Vinh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 422/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
46		UBND xã Phú Túc	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 336/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
47		Phòng Kinh tế UBND xã Ia Le	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 248/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
48		UBND xã Chư Prông	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 237/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
49		UBND xã Ayun	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 183/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
50		UBND xã Ia Rbol	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 961/UBND-TH ngày 29/8/2025)	
51		UBND xã Kbang	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 281/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
52		UBND xã Ngô Mây	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 187/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
53		UBND xã Lơ Pang	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 542/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
54		UBND xã Tơ Tung	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 304/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
55		UBND xã	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 199/UBND-KT ngày 29/8/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Uar		
56		UBND xã Hội Sơn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 236/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
57		UBND xã Vạn Đức	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 202/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
58		UBND xã Bình Dương	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 212/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
59		UBND xã Sơn Lang	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 174/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
60		UBND xã Ia Ly	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 372/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
61		UBND xã Ia Púch	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 244/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
62		UBND xã Vĩnh Thịnh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 379/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
63		UBND xã Al Bá	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 286/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
64		UBND phường An Khê	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 568/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
65		UBND phường Ayun Pa	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 1291/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
66		UBND xã Bờ Ngoong	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 227/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
67		UBND xã	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 247/UBND-KT ngày 04/9/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
		Canh Liên		
68		UBND xã Chư A Thai	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 304/UBND-KT ngày 03/9/2025)	
69		UBND xã Chư Sê	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 488/UBND-KT ngày 31/8/2025)	
70		UBND xã Chư Păh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 745/UBND-KT ngày 31/8/2025)	
71		UBND xã Đăk Somei	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 329/UBND-KT ngày 03/9/2025)	
72		UBND phường Hoài Nhơn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 484/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
73		UBND phường Hoài Nhơn Bắc	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 344/UBND-KT ngày 01/9/2025)	
74		UBND xã Ia Boòng	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 261/UBND-KT ngày 10/9/2025)	
75		UBND xã Ia Hiao	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 432/UBND-TH ngày 30/8/2025)	
76		UBND xã Ia Ko	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 256/UBND-TH ngày 09/9/2025)	
77		UBND xã Ia Krái	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 281/UBND-KT ngày 05/9/2025)	
78		UBND xã Ia Mơ	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 281/UBND-CN ngày 03/9/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
79		UBND xã Ia Sao	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 466/UBND-TH ngày 10/9/2025)	
80		UBND xã Ia Tul	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 743/UBND-KT ngày 08/9/2025)	
81		UBND xã KĐang	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 317/UBND-KT ngày 08/9/2025)	
82		UBND xã Kon Gang	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 317/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
83		UBND xã Kông Bơ La	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 464/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
84		UBND xã Kông Chro	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 262/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
85		UBND xã Krong	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 399/UBND-KT ngày 08/9/2025)	
86		UBND xã Phù Mỹ Bắc	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 199/UBND-KT ngày 03/9/2025)	
87		UBND xã Phú Thiện	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 423/UBND-KT ngày 03/9/2025)	
88		UBND phường Quy Nhơn Bắc	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 305/UBND-KT ngày 29/8/2025)	
89		UBND phường Quy Nhơn Đông	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 517/UBND-KT ngày 29/8/2025)	

TT	Nhóm vấn đề hoặc điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
90		UBND xã Sró	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 228/UBND-KT ngày 28/8/2025)	
91		UBND xã Tây Sơn	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 246/UBND-KT ngày 04/9/2025)	
92		UBND xã Vĩnh Thạnh	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 271/UBND-KT ngày 30/8/2025)	
93		UBND xã Xuân An	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 397/UBND-KT ngày 05/9/2025)	
94		UBND xã Ya Hội	Thống nhất với Dự thảo (Văn bản số 385/UBND-KT ngày 29/8/2025)	

BẢN TỔNG HỢP

**Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh
ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Ngày 23/3/2026, Sở Công Thương có Văn bản số 1307/SCT-QLCN gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai trước khi trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025*); trên cơ sở Báo cáo số 209/BC-STP ngày 26/3/2026 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Công Thương đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

TT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	- Về tên gọi của dự thảo: Đề nghị bỏ gạch ngang dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết để phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết
2	- Về căn cứ văn bản để ban hành Nghị quyết: Tại “ <i>Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15</i> ;”, đề nghị điều chỉnh từ “ <i>Nhà nước</i> ” thành “ <i>nhà nước</i> ”.	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết
3	- Về nơi nhận của dự thảo: Đề nghị điều chỉnh chủ thể nhận văn bản từ “- <i>Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính Bộ Tư pháp</i> ;” thành “- <i>Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp</i> ;”. Điều chỉnh từ “ <i>Đăng tải công báo điện tử cấp tỉnh</i> ” thành “ <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</i> ”.	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết

TT	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
4	- Về tên gọi của dự thảo: Tại nội dung “(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)” đề nghị điều chỉnh thành “Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND” để phù hợp với Mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị bỏ gạch ngang dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết.	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Quy định kèm theo
5	- Nội dung của dự thảo: Tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo quy định “2. Các mức chi khác thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 7 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.”, đề nghị bỏ cụm từ “ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” để phù hợp với kỹ thuật viện dẫn văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Thống nhất tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Quy định kèm theo
6	Qua theo dõi, Sở Tư pháp chưa thấy Quý Sở tham mưu UBND tỉnh văn bản trình Thường trực HĐND tỉnh về đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, trong trường hợp chưa thực hiện thủ tục này, đề nghị Quý Sở căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP để tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình Thường trực HĐND tỉnh. Sở Công Thương đã có Văn bản số 1423/SCT-QLCN ngày 27/3/2026 giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Tư pháp đã thống nhất tại Văn bản số 1029/STP-NV1 ngày 30/3/2026.

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trên cơ sở các mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định (*trước sắp xếp*) tại Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Định, Sở Công Thương đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được Sở Công Thương đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương; gửi lấy ý kiến Sở Tài chính (*Văn bản số 1956/STC-TCHCSN ngày 29/8/2025*) và các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị có liên quan¹ và gửi Sở Tư pháp thẩm định².

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 209/BC-STP ngày 26/3/2026 và Văn bản số 1029/STP-NV1 ngày 30/3/2026, Sở Công Thương đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai đảm bảo đủ điều kiện để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị.

Sở Công Thương kính trình UBND tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2026.
- Điều a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (*được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày*

¹ Văn bản số 834/SCT-QLCN ngày 26/8/2025.

² Văn bản số 1307/SCT-QLCN ngày 23/3/2026.

25/6/2025): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

- Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công.

- Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

- Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018; theo đó:

Tại khoản 1 Điều 1 quy định “Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định** phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

Tại khoản 2 Điều 2 quy định “Đối với nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến công địa phương đã được quyết định hoặc phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định cho đến khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyết nghị về nội dung và mức chi hoạt động khuyến công địa phương, nhưng tối đa không quá niên độ ngân sách nhà nước năm 2024 và bảo đảm phù hợp quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật): “Trường hợp **nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới** cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc **ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới**”.

Theo khoản 12 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai”.

Như vậy, căn cứ pháp lý nêu trên đảm bảo đầy đủ sự cần thiết để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Cơ sở thực tiễn

Đối với tỉnh Bình Định (*trước sắp xếp*): HĐND tỉnh Bình Định đã ban hành Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 về quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đối với tỉnh Gia Lai (*trước sắp xếp*): UBND tỉnh Gia Lai đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai trình HĐND tỉnh Gia Lai tại kỳ họp thứ 27 nhưng chưa được thông qua.

Sau khi sắp xếp, UBND tỉnh Gia Lai đã trình HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 quyết định việc áp dụng Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Để tổng hợp và xây dựng kế hoạch khuyến công năm 2026, ngày 21/7/2025, Sở Công Thương đã có Văn bản số 244/SCT-QLCN gửi UBND các xã, phường, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công năm 2026. Đến nay, các đơn vị đã đăng ký 152 đề án khuyến công với tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ 23.988 triệu đồng.

Do vậy, cần thiết xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai để áp dụng và làm cơ sở triển khai kế hoạch khuyến công hàng năm trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Gia Lai về khuyến công; tăng cường công tác quản lý nhà nước về khuyến công trên địa bàn; tạo cơ sở pháp lý cho các đơn vị, địa phương thực hiện các hoạt động hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Qua đó, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quan điểm

- Việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025; phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC; đồng thời, quy định mức chi hỗ trợ được đảm bảo công bằng, công khai phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trên cơ sở các mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bình Định (*trước sắp xếp*) tại Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Định, Sở Công Thương đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã được Sở Công Thương đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương và gửi lấy ý kiến của Sở Tài chính (*Văn bản số 1956/STC-TCHCSN ngày 29/8/2025*), các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị có liên quan tại Văn bản số 834/SCT-QLCN ngày 26/8/2025. Trên cơ sở góp ý của các đơn vị, Sở Công Thương đã tiếp thu, hoàn chỉnh Dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số 1307/SCT-QLCN ngày 23/3/2026.

Trên cơ sở kết quả thẩm định Dự thảo của Sở Tư pháp tại Văn bản số 209/BC-STP ngày 26/3/2026 và Văn bản số 1029/STP-NV1 ngày 30/3/2026, Sở Công Thương đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai đảm bảo đủ điều kiện để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được UBND tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

- Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

- Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

- Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Bố cục

Dự thảo Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh dự kiến gồm 5 Điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Điều 3. Mức chi chung cho hoạt động khuyến công

- Điều 4. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương

- Điều 5. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công

3. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nội dung của Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của Nghị quyết với hệ thống pháp luật; đồng thời, nội dung chính của Nghị quyết bám sát quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP; Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; đồng thời, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với thực tế phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Một số nội dung cơ bản của dự thảo Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tóm tắt như sau:

3.1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/doanh nghiệp.

3.2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.

3.3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

3.4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

3.5. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, xã. Mức hỗ trợ không quá 140 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh và không quá 35 triệu đồng/lần đối với cấp xã.

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 3,5 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp xã được thưởng không quá 01 triệu đồng/sản phẩm.

3.6. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu.

3.7. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

3.8. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3.9. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3.10. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày. Mức hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/phòng trưng bày.

3.11. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công địa phương:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công địa phương: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

4. Một số nội dung thay đổi so với Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 15/9/2025 về tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND

- Sửa đổi đối tượng áp dụng phù hợp mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (*tỉnh và xã*) và theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025; theo đó, tất cả các địa phương trên địa bàn tỉnh đều được áp dụng mức chi hỗ trợ (*trước đây thành phố Quy Nhơn, thành phố Pleiku không thuộc đối tượng*).

- Điều chỉnh giảm mức chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã và chi thưởng cho sản phẩm đạt giải cấp xã bằng 50% mức chi của cấp huyện trước đây (*tương tự cấp huyện trước đây bằng 50% cấp tỉnh*).

- Bỏ các nội dung khuyến công không còn quy định trong Nghị định số 235/2025/NĐ-CP như: Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; hỗ trợ xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp; hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp và hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực về tổ chức, bộ máy:

Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương.

Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai là đơn vị tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh khi được cấp có thẩm quyền giao.

UBND các xã, phường giao Phòng Kinh tế/ Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tham mưu, theo dõi hoạt động khuyến công trên địa bàn cấp xã.

Do vậy, nguồn lực về tổ chức, bộ máy đảm bảo triển khai Nghị quyết sau khi được HĐND tỉnh thông qua.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến công được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương hàng năm.

3. Điều kiện đảm bảo việc thi hành Nghị quyết: Giao UBND tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Thời gian trình thông qua:

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh dự kiến trình vào kỳ họp thứ 2 (*chuyên đề*) của HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

(Hồ sơ kèm theo gồm: Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết; Dự thảo Nghị quyết; Bảng tổng hợp so sánh/thuyết minh dự thảo Nghị quyết với Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương; Văn bản ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương)

Sở Công Thương kính trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai, làm cơ sở triển khai các hoạt động khuyến công theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Nguyễn Hữu Quế - PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng Sở;
- Trung tâm KC và XTTM;
- Lưu: VT, QLCN, TAH.

GIÁM ĐỐC

Dương Minh Đức

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STP-NV1

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

V/v Phúc đáp Công văn số 1423/SCT-QLCN ngày 27/3/2026 của Sở Công Thương về giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Sở Công Thương

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1423/SCT-QLCN ngày 27/3/2026 của Sở Công Thương về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Qua nghiên cứu, Sở Tư pháp thống nhất với nội dung giải trình tại văn bản nêu trên. Bởi vì, Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh¹ trình Thường trực HĐND tỉnh² đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đã được Thường trực HĐND tỉnh³ thống nhất. Đồng thời, UBND tỉnh đã đăng ký Nghị quyết ban hành Quy định mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại kỳ họp giữa năm 2026 của HĐND tỉnh theo Công văn số 3240/UBND-NC ngày 20/3/2026 về việc đăng ký nội dung trình tại các kỳ họp thường lệ trong năm 2026, HĐND tỉnh khóa XIII nhiệm kỳ 2026-2031.

Kính gửi Sở Công Thương tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, P.NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý

¹ Tờ trình số 24/TTr-SCT ngày 04/8/2025;

² Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 08/8/2025;

³ Thông báo số 18/TB-TTHĐND ngày 17/8/2025.